

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
(TUYỂN DỤNG TRONG NĂM 2020)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)				(14)	(15)	(16)	(17)
001	CD12	Lò Thị Sen	12/03/1996	Nữ	Thái	x	Anh B1	Cơ bản		GDCD	THPT Ea Rôk		DTTS		5	68.00	73.00	x	
002	CD11	Trần Thị Oanh	25/02/1993	Nữ	Kinh	x	Anh B	Tin B		GDCD	THPT Ea Súp					73.00	73.00	x	
003	CD14	Nguyễn Thanh Vinh	20/05/1989	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		GDCD	THPT Lắk				78.50	78.50	x		
004	CD10	Bùi Thị Oanh	30/01/1986	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		GDCD	THPT Nguyễn Văn Cừ				70.00	70.00	x		
005	D26	Lý Thị Nương	18/08/1988	Nữ	Tày		Anh B	SCN		Địa lí	THPT Buôn Đôn		DTTS	5	61.90	66.90	x		
006	D25	H' Nurch Btô	07/09/1991	Nữ	Êđê		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Hùng Vương		DTTS	5	52.00	57.00	x		
007	D04	H Gôp Kriêng	22/10/1991	Nữ	Êđê		Anh B	Tin B		Địa lí	THPT Krông Bông		DTTS	5	56.00	61.00	x		
008	D12	Đàm Thị Khánh	06/01/1983	Nữ	Tày		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS	5	55.75	60.75	x		
009	D19	Lương Thị Mùi	01/07/1987	Nữ	Tày		Anh B	Tin A		Địa lí	THPT Trần Quang Khải		DTTS	5	54.63	59.63	x		
010	ĐB01	Phạm Thị Huệ	10/09/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		GD đặc biệt	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật				85.00	85.00	x		
011	H67	Dương Anh Thu	05/12/1993	Nữ	Kinh		Anh B1	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Ea Rôk				88.50	88.50	x		
012	H08	Hoàng Thị Châm	18/07/1989	Nữ	San Chí		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Ea Rôk		DTTS	5	70.75	75.75	x		
013	H74	Nguyễn Thúy Minh Thùy	25/08/1997	Nữ	Kinh		Anh B1	Cơ bản		Hóa học	THPT Ea Rôk				75.75	75.75	x		
014	H75	Võ Thị Thanh Thùy	01/05/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Lắk				69.75	69.75	x		

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thực sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
015	H30	Hoàng Thị Huyền	03/03/1994	Nữ	Nùng		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Bình Khiêm		DTTS		5	69.50	74.50	x	
016	H77	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/07/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh				84.75	84.75	x		
017	H12	Y Det Tor	31/01/1997	Nam	MNông		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS		5	56.25	61.25	x	
018	H19	Nguyễn Nam Đông	21/01/1991	Nam	Kinh		Anh B	Tin B	x	Hóa học	THPT Nguyễn Huệ		Con TB		5	52.50	57.50	x	
019	H94	Nông Thị Xanh	17/07/1992	Nữ	Nùng		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS		5	74.50	79.50	x	
020	H45	Ngô Thị Ly Na	11/12/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản	x	Hóa học	THPT Nguyễn Tất Thành		Con TB		5	71.88	76.88	x	
021	H93	Trần Lê Việt	13/08/1989	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		Hóa học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai				86.25	86.25	x		
022	H31	Trần Thị Tuyết Khuyến	02/02/1988	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Nguyễn Văn Cừ				82.50	82.50	x		
023	H53	Hà Thị Kiều Oanh	07/11/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Phạm Văn Đồng				83.75	83.75	x		
024	H04	Lê Thị Anh	08/11/1997	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Hóa học	THPT Trần Phú				88.25	88.25	x		
025	H09	Võ Thị Hương Châu	03/09/1988	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Hóa học	THPT Việt Đức				78.25	78.25	x		
026	MN17	H' Hoan Du	30/10/1993	Nữ	MNông		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS		5	95.00	100.00	x	
027	MN35	Nguyễn Thị Trâm	12/09/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				96.00	96.00	x		
028	MN27	Hoàng Thị Cẩm Nhung	13/08/1995	Nữ	Kinh		Anh A	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				95.00	95.00	x		
029	MN06	Lê Thị Dung	02/04/1998	Nữ	Kinh		Anh A	Tin A		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				94.00	94.00	x		
030	MN47	Nông Thị Xuân	07/09/1990	Nữ	Tày		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng		DTTS		5	89.00	94.00	x	
031	MN22	Trần Thị Luận	01/08/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				93.00	93.00	x		
032	MN24	Lê Hồng Khoa Nhật	26/05/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng				91.00	91.00	x		

hnceee

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thực sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
033	MN30	Phan Thị Thanh Thanh	20/02/2000	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					90.50	90.50	x	
034	MN39	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/09/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					90.50	90.50	x	
035	MN25	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	18/09/1994	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					88.50	88.50	x	
036	MN02	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	13/05/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					80.00	80.00	x	
037	MN18	Nguyễn Thị Bích Hoàng	19/09/1997	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					80.00	80.00	x	
038	MN31	Võ Thị Thi	10/07/1997	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					80.00	80.00	x	
039	MN14	Lê Thị Hải	23/08/1995	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					77.50	77.50	x	
040	MN16	Thái Mỹ Hoa	28/11/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Mầm non	Thực hành Mầm non Hoa Hồng					77.00	77.00	x	
041	QP04	Bùi Quang Nam	18/04/1992	Nam	Kinh		Anh B	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					77.50	77.50	x	
042	QP02	Trần Thị Hạnh	11/05/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		GDQP-AN	THPT Nguyễn Văn Cừ					72.75	72.75	x	
043	QP07	Phan Thị Thùy Vân	21/01/1998	Nữ	Kinh		Anh B1	Cơ bản		GDQP-AN	THPT Võ Văn Kiệt					51.25	51.25	x	
044	SI27	Lê Thị Thu	10/10/1994	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					70.50	70.50	x	
045	SI23	Nguyễn Thị Bích Phượng	27/05/1990	Nữ	Kinh	x	Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Ea Rôk					52.63	52.63	x	
046	SI12	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/04/1997	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Ea Súp					72.50	72.50	x	
047	SI03	Trần Nhật Kim Chi	25/07/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành					72.00	72.00	x	
048	SI31	Lâm Thị Thiên Trang	17/01/1990	Nữ	Nùng		Anh B	Cơ bản	X	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh		DTTS	5		82.63	87.63	x	
049	SI22	Trần Thị Hồng Nhung	20/03/1987	Nữ	Kinh	x	Anh B	Cơ bản	x	Sinh học	THPT Phan Chu Trinh					69.50	69.50	x	
050	SI13	Phạm Thị Mỹ Hoa	10/09/1995	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Sinh học	THPT Tôn Đức Thắng					72.25	72.25	x	

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thực sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
051	SI14	Trần Đức Hoàng	18/12/1993	Nam	Kinh		Anh B	Tin A		Sinh học	THPT Võ Văn Kiệt				67.50	67.50	x		
052	SU15	Phạm Thị Luyến	10/08/1987	Nữ	Mường		Anh B	Tin A		Lịch sử	THPT Ea Súp		DTTS	5	56.75	61.75	x		
053	SU09	Đặng Thị Việt Hà	05/03/1988	Nữ	Kinh		Anh C	Tin A	x	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ				61.00	61.00	x		
054	SU20	Phạm Thị Thùy	22/12/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Lịch sử	THPT Võ Văn Kiệt		Con BB	5	50.75	55.75	x		
055	T106	Đinh Thị Huyền Trang	20/03/1988	Nữ	Kinh	x	Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Buôn Đôn				77.75	77.75	x		
056	T113	Ngô Thị Tư Tư	08/03/1997	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rók				62.25	62.25	x		
057	T88	Đoàn Thị Như Quỳnh	15/02/1998	Nữ	Kinh		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rók		Con TB	5	56.00	61.00	x		
058	T94	Trần Thị Phương Thảo	21/09/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Ea Rók				60.50	60.50	x		
059	T126	Nguyễn Thị Xuân	28/06/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Toán	THPT Ea Rók				55.63	55.63	x		
060	T36	Hà Mạnh Hùng	20/08/1995	Nam	Kinh		Anh B1	Cơ bản		Toán	THPT Ea Súp				69.25	69.25	x		
061	T118	Bùi Thị Tuyết	04/09/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Hồng Đức				68.63	68.63	x		
062	T124	Nguyễn Văn Vững	29/10/1993	Nam	Kinh		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Hùng Vương				50.25	50.25	x		
063	T35	Nguyễn Mạnh Hùng	28/06/1991	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		Toán	THPT Lê Hồng Phong		Con TB<81%	5	65.63	70.63	x		
064	T02	Phạm Đình Anh	01/01/1993	Nam	Kinh	x	Anh B	Tin B		Toán	THPT Lý Tự Trọng				66.00	66.00	x		
065	T31	Nguyễn Hữu Hoài	17/04/1997	Nam	Kinh		TOEIC 265	Cơ bản		Toán	THPT Nguyễn Chí Thanh				69.63	69.63	x		
066	T69	Trần Thị Hồng Ngọc	04/07/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B	x	Toán	THPT Nguyễn Huệ				53.25	53.25	x		
067	T92	Nguyễn Quyết Thắng	31/08/1990	Nam	Kinh	x	Anh B	Tin B	x	Toán-Tin	THPT Nguyễn Thị Minh Khai				51.50	51.50	x		

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
068	T87	Vương Phú Quý	27/02/1995	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		Toán	THPT Nguyễn Văn Cừ					61.25	61.25	x	
069	T21	Huỳnh Thị Hiền	06/11/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Tôn Đức Thắng					60.50	60.50	x	
070	T09	Ngô Hữu Chính	14/09/1992	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		Toán	THPT Trần Hưng Đạo					57.00	57.00	x	
071	T129	Kha Thị Yên	28/07/1988	Nữ	Thái		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		DTTS	5	80.75	85.75	x		
072	T62	Võ Thị Tuyết Mai	15/08/1998	Nữ	Kinh		Anh A2	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		CTB 26%	5	68.25	73.25	x		
073	T83	Nông Thị Phương	27/05/1995	Nữ	Tày		Anh B	Cơ bản		Toán	THPT Trường Chinh		DTTS	5	51.88	56.88	x		
074	T53	Hà Diệu Linh	03/03/1996	Nữ	Kinh		Anh C	Tin B	x	Toán	THPT Võ Văn Kiệt				86.75	86.75	x		
075	T46	Bùi Thị Ngọc Lan	06/05/1988	Nữ	Kinh	x	Anh A2	Đại học		Toán	THPT Võ Văn Kiệt				85.25	85.25	x		
076	T39	Nguyễn Thị Thu Hương	11/09/1997	Nữ	Kinh		Anh C	Nâng cao		Toán	THPT Võ Văn Kiệt				58.25	58.25	x		
077	TA31	Nông Thị Nga	06/07/1992	Nữ	Tày		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Buôn Đôn		DTTS	5	72.00	77.00	x		
078	TA23	Trần Thị Diệu Linh	17/05/1996	Nữ	Kinh		Pháp A2	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Cư M'gar				89.50	89.50	x		
079	TA48	Hà Thị Thu Thủy	18/07/1989	Nữ	Tày	x	Hoa B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk		DTTS	5	64.00	69.00	x		
080	TA22	Nguyễn Thị Phương Linh	18/04/1996	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk				64.50	64.50	x		
081	TA21	Trần Thị Linh	12/03/1996	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Ea Rôk				58.00	58.00	x		
082	TA14	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/05/1992	Nữ	Kinh	x	Hoa B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Lăk				86.00	86.00	x		
083	TA01	Nguyễn Thị Thái An	07/07/1993	Nữ	Kinh	x	Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Lê Hồng Phong				79.00	79.00	x		
084	TA04	Phan Nhất Chi	11/10/1994	Nữ	Kinh		Hàn A2	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Bình Khiêm				93.00	93.00	x		

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
085	TA10	Quách Thị Hạnh Duyên	16/07/1991	Nữ	Mường		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh		DTTS		5	54.50	59.50	x	
086	TA32	Nguyễn Thị Thủy Nga	24/10/1992	Nữ	Kinh	x	Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Chí Thanh					54.00	54.00	x	
087	TA26	Nguyễn Thị Lọt	01/02/1992	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Tất Thành					65.00	65.00	x	
088	TA28	Nguyễn Thị Trà Mi	09/02/1990	Nữ	Kinh	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thái Bình					68.00	68.00	x	
089	TA29	Lê Thị Ngọc Minh	25/05/1989	Nữ	Kinh	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					70.50	70.50	x	
090	TA15	Nguyễn Hồng Diệu Hoa	20/06/1991	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ					65.50	65.50	x	
091	TA02	Nguyễn Đỗ Văn Anh	12/04/1996	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ					51.50	51.50	x	
092	TA18	Hà Thị Thu Hường	04/11/1987	Nữ	Kinh	x	Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Phan Đình Phùng					67.50	67.50	x	
093	TA13	Hoàng Thị Hiền	22/07/1994	Nữ	Mường		Pháp B	Tin B		Tiếng Anh	THPT Tôn Đức Thắng		DTTS		5	62.00	67.00	x	
094	TA46	Lê Minh Thùy	04/04/1993	Nữ	Mường		Hoa B	Tin A		Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo		DTTS		5	61.00	66.00	x	
095	TA24	Trần Thị Thảo Linh	16/09/1997	Nữ	Kinh		Pháp B	Cơ bản		Tiếng Anh	THPT Trường Chinh					54.00	54.00	x	
096	TD17	Phạm Vũ Long	04/07/1988	Nam	Kinh	x	Anh B	Tin A		Thế dục	THPT Buôn Đôn		Con TB		5	72.00	77.00	x	
097	TD31	Phạm Hoàng Thương	22/01/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Thế dục	THPT Buôn Đôn					68.00	68.00	x	
098	TD01	Đoàn Bình An	20/08/1992	Nam	Kinh		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Lê Hồng Phong					66.00	66.00	x	
099	TD19	Lê Đại Nghĩa	29/07/1989	Nam	Kinh	x	Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Nguyễn Chí Thanh					61.00	61.00	x	
100	TD07	Vi Văn Dũng	14/02/1988	Nam	Thái		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Nguyễn Huệ		DTTS		5	69.00	74.00	x	
101	TD08	Võ Văn Tuấn Em	10/10/1987	Nam	Kinh		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Nguyễn Huệ			NVQS	2.5	63.00	65.50	x	
102	TD14	Nguyễn Thị Thu Hoài	03/02/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Phan Chu Trinh		BB <81%		5	75.00	80.00	x	
103	TD09	Vũ Nguyễn Hải Hà	23/08/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Thế dục	THPT Trần Phú					75.00	75.00	x	

hncell

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
104	TI03	Nguyễn Minh Hoàng	28/07/1987	Nam	Kinh	x	Anh C	Đại học		Tin học	THPT Buôn Ma Thuột					51.00	51.00	x	
105	TI07	Trần Thị Yến Nhi	11/12/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Đại học		Tin học	THPT LẮk					70.00	70.00	x	
106	TI02	Hà Thị Hà	10/10/1991	Nữ	Thái	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Nguyễn Tất Thành		DTTS		5	68.50	73.50	x	
107	TI12	Ngô Anh Tú	08/10/1990	Nam	Kinh	x	Anh C	Đại học		Tin học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					70.25	70.25	x	
108	TI15	Nguyễn Khắc Vượng	17/12/1989	Nam	Kinh	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Phan Chu Trinh					68.50	68.50	x	
109	TI09	Đặng Thị Tiệp	03/06/1989	Nữ	Kinh	x	Anh B	Đại học		Tin học	THPT Phan Chu Trinh					65.25	65.25	x	
110	TI01	Hoàng Thị Lợi Giang	10/03/1993	Nữ	Kinh	x	Anh B	Cử nhân		Tin học	THPT Trần Quang Khải					66.50	66.50	x	
111	TI10	Võ Sĩ Trung	20/12/1990	Nam	Kinh	x	Anh B1	Đại học	x	Tin học	THPT Việt Đức					86.00	86.00	x	
112	TI05	Trần Mạnh Hùng	07/07/1991	Nam	Kinh		Anh B	Đại học		Tin học	THPT Võ Văn Kiệt					85.75	85.75	x	
113	TL02	Vàng Thị Yến Vi	19/05/1987	Nữ	Thái	x	Anh B	Cơ bản		Tâm lý giáo dục	TT Hỗ trợ PTGDHN Trẻ khuyết tật		DTTS		5	77.00	82.00	x	
114	V14	Lữ Văn Khâm	06/06/1986	Nam	Thái		Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS		5	94.50	99.50	x	
115	V06	Lang Thị Duyên	15/04/1992	Nữ	Thái	x	Anh B	Văn phòng		Ngữ văn	THPT Ea Rôk		DTTS		5	81.00	86.00	x	
116	V19	H Lý Cil	20/11/1997	Nữ	MNông		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT LẮk		DTTS		5	69.50	74.50	x	
117	V08	Đinh Thị Hà	02/02/1988	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Ngữ văn	THPT LẮk					53.00	53.00	x	
118	V05	Nguyễn Thị Hương Duyên	26/03/1984	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A	x	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi					85.50	85.50	x	
119	V26	Đào Phương Nhân	06/12/1997	Nữ	Kinh		Anh B1	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Cừ					83.50	83.50	x	
120	V13	Bùi Thị Hương	10/08/1983	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Ngữ văn	THPT Phạm Văn Đồng					72.00	72.00	x	
121	V31	Hồ Thị Phương Oanh	10/10/1992	Nữ	Kinh	x	Anh B	Tin B		Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo					74.00	74.00	x	
122	VL111	Trần Thị Xuân	29/06/1991	Nữ	Kinh	x	Anh B1	Tin B	x	Vật lý	THPT Buôn Hồ					72.00	72.00	x	

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm thực hành	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
												Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng				
123	VL14	Phan Mỹ Hào	18/01/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Rôk					62.88	62.88	x	
124	VL79	Đinh Thị Kim Thao	31/05/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Rôk					59.00	59.00	x	
125	VL68	Trần Văn Quốc	20/01/1995	Nam	Kinh		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Ea Súp					82.37	82.37	x	
126	VL39	Lê Thị Cẩm Lệ	22/02/1996	Nữ	Kinh		Anh B	Cơ bản		Vật lí	THPT Ea Súp					82.00	82.00	x	
127	VL69	Trần Thị Quý	26/09/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Nguyễn Chí Thanh					60.87	60.87	x	
128	VL27	Phan Thị Thu Hương	07/04/1984	Nữ	Kinh		Anh A2	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai					64.63	64.63	x	
129	VL76	Phan Hồng Tấn	09/09/1989	Nam	Kinh		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Phan Chu Trinh					67.50	67.50	x	
130	VL24	Trần Thị Huế	08/04/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Phan Đình Phùng					59.88	59.88	x	
131	VL92	Phạm Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					80.50	80.50	x	
132	VL21	Thái Thị Hoa	12/09/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo					76.88	76.88	x	
133	VL105	Trần Thị Thanh Uyên	02/05/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Vật lí	THPT Trần Phú					89.25	89.25	x	
134	VL34	Phan Đình Khôi	07/09/1990	Nam	Kinh		Anh B1	Cơ bản	x	Vật lí	THPT Việt Đức					73.63	73.63	x	

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 11 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



Phạm Đăng Khoa